

Số: 3564 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIAO NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số 60380102.

Điều 2. Giao cho Khoa Luật tổ chức đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm Khoa Luật, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, T10.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Chuyên ngành: Luật hiến pháp và luật hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3564/QĐ-ĐHQGHN, ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật hiến pháp và luật hành chính
 - + Tiếng Anh: Constitutional Law and Administrative Law
- Mã số chuyên ngành: 60380102
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law.
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật, chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính định hướng ứng dụng nhằm mục tiêu chung là cung cấp cho học viên những kiến thức bổ sung, chuyên sâu, cập nhật và kỹ năng áp dụng những kiến thức của hai ngành luật này trong thực tiễn công tác. Đồng thời, chương trình đào tạo còn giúp học viên có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng phân tích, đánh giá, tư vấn, tham mưu, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính khi làm việc

trong các cơ quan của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức trong nước, quốc tế và các cơ sở học thuật (các trường đại học, viện nghiên cứu). Hoàn thành chương trình đào tạo này, người học còn có khả năng tiếp tục nghiên cứu và học tập ở những bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Làm sâu sắc thêm kiến thức cho học viên ở các khía cạnh thực tiễn thực thi pháp luật hiến pháp và hành chính;
- Giúp học viên có khả năng ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn;
- Học viên được cung cấp những kĩ năng mới hoặc phát triển những kĩ năng đã có để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật hiến pháp và hành chính;
- Rèn luyện tư duy phát hiện cái mới, năng lực tổng kết, phân tích, đánh giá thực tiễn để hình thành các bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động, công tác của mình;
- Giúp học viên có khả năng nghiên cứu tìm ra giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh và tổ chức thi hành các quy phạm Luật hiến pháp và luật hành chính trong thực tiễn.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển với các môn sau:

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn ngoại ngữ: Một trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc

3.2. Đối tượng tuyển sinh: Người dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng ứng dụng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch rõ ràng, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí theo quy định của ĐHQGHN và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp: Luật kinh tế; Luật kinh doanh; Luật quốc tế.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức, năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức chuyên môn

- Nắm vững các kiến thức nền tảng về triết học, chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận phù hợp để tiếp nhận các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của thực tiễn trong lĩnh vực được đào tạo;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng vận dụng năng lực ngoại ngữ chuyên ngành trong nghiên cứu và ứng dụng pháp luật hiến pháp và hành chính;

- Có kiến thức thực tiễn mang tính chuyên sâu, toàn diện và cập nhật trong lĩnh vực thuộc chuyên môn đào tạo, bao gồm: Hệ thống chính trị và các mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ở Việt Nam; Cấu trúc và vận hành của bộ máy nhà nước Việt Nam; Thực hiện cơ chế giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước; Thực hiện quyền con người, quyền công dân; Áp dụng pháp luật về trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính; Thi hành pháp luật về khiếu nại và tố cáo; Thực hiện quy trình xây dựng chính sách, ban hành văn bản pháp luật; Quản lý hoạt động của chính quyền địa phương; Thực hiện pháp luật về dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở; Thực hiện pháp luật về công vụ và dịch vụ công; Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Thực hiện pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; Thi hành pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước; Thi hành pháp luật về quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường, đất đai, xây dựng cơ bản; Thi hành pháp luật về tiếp cận thông tin, tín ngưỡng tôn giáo, bình đẳng dân tộc và chống các hình thức phân biệt đối xử...;

- Có khả năng làm chủ các kiến thức chuyên ngành; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức pháp lý vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống pháp luật hiến pháp và hành chính;

- Có tư duy phản biện, khả năng phân tích tình huống và lựa chọn giải pháp áp dụng kiến thức chuyên ngành luật hiến pháp, luật hành chính để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tế công tác một cách phù hợp, tối ưu, không giáo điều, máy móc.

1.2. Về năng lực chuyên môn

- Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc; có khả năng nghiên cứu, tham mưu, tư vấn, đề xuất sáng kiến, xây dựng, thẩm định kế hoạch và dẫn dắt công tác chuyên môn để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các vấn đề thuộc ngành Luật hiến pháp và luật hành chính;

- Có năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp của cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, có khả năng làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo, quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động liên quan đến chuyên ngành đào tạo;

- Có khả năng viết Luận văn tốt nghiệp. Luận văn phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học; giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc triển khai áp dụng một nghiên cứu lí thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tiễn.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Kĩ năng phân tích, đánh giá chính xác các vấn đề lí luận, thực tiễn của ngành Luật hiến pháp và luật hành chính;

- Kĩ năng áp dụng và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của ngành Luật hiến pháp và luật hành chính trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác;


- Kĩ năng nghiên cứu, dự báo, tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo và đồng nghiệp về các vấn đề của ngành Luật hiến pháp và luật hành chính;

- Kĩ năng nghiên cứu tài liệu, giao tiếp bằng ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

- Kĩ năng tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực thi, áp dụng pháp luật;

- Kĩ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo tổng kết các công việc thực tế phát sinh trong lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính;

- Kĩ năng nghiên cứu độc lập để phát triển kiến thức mới; 

- Kỹ năng giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; đề xuất các vấn đề liên quan đến luật hiến pháp, hành chính lên các cơ quan có thẩm quyền;

- Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức pháp luật, thích ứng với sự thay đổi của pháp luật trong lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính;

- Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực Luật hiến pháp và luật hành chính.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Luôn có ý thức bảo vệ lợi ích, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước;

- Có ý thức bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích xã hội góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh;

- Có ý thức thượng tôn pháp luật và tuân thủ pháp chế.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính nhân văn, bản lĩnh nghề nghiệp, thái độ trung thực, khách quan, công tâm, yêu nghề, trách nhiệm trong công việc;

- Có ý thức phục vụ lợi ích cộng đồng và xã hội;

- Có thái độ đúng mực trong giao tiếp, quan hệ với đồng nghiệp, công dân;

- Chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc, biết mạnh dạn bày tỏ quan điểm và lắng nghe.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao;

- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;

- Có lòng tự hào đối với nghề luật và dịch vụ pháp lý;

- Trọng chữ tín, tôn trọng đồng nghiệp, đối tác.

4. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng ứng dụng, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:



- *Nhóm 1*: Làm việc tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị (các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội); chuyên viên pháp chế trong các cơ quan nhà nước;

- *Nhóm 2*: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ - tư vấn pháp lý (văn phòng luật, công ty luật), đặc biệt trong các lĩnh vực về hành chính, quản lý công, tố tụng hành chính, công chứng, tư vấn đầu tư công, thừa phát lại, bảo vệ các quyền con người, quyền công; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp;

- *Nhóm 3*: Làm việc cho các cơ quan Liên hợp quốc, tổ chức liên chính phủ quốc tế, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, đặc biệt trong các chương trình, dự án liên quan đến hành chính công; quản trị quốc gia; phòng, chống tham nhũng; quyền con người, quyền công dân...;

- *Nhóm 4*: Làm việc tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị.


5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Với các phương pháp tiếp cận được cung cấp trong chương trình thạc sĩ, sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và có khả năng tham gia học tập ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 64 tín chỉ, trong đó:

- | | |
|---|--|
| - Khối kiến thức chung (bắt buộc): | 8 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: | 47 tín chỉ, bao gồm: |
| + <i>Bắt buộc</i> : | <i>24 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn</i> : | <i>23/76 tín chỉ</i> |
| - Luận văn thạc sĩ: | 09 tín chỉ  |

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI 5001	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	60			
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>General English</i>)	4	30	30		
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.2.1	Các học phần bắt buộc		24				
3	CAL 6100	Hiến pháp và tổ chức quyền lực nhà nước (<i>Constitution and State Power Organization</i>)	3	18	18	9	
4	CAL 6101	Quản lí nhà nước (<i>State Management</i>)	3	16	20	9	
5	CAL 6102	Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (<i>Mechanism for Control of State Power</i>)	3	17	19	9	
6	CAL 6103	Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp cơ sở (<i>Implementation of Law on Democracy at Grassroots Level</i>)	3	16	20	9	
7	CAL 6104	Thực hiện quyền con người, quyền công dân (<i>Implementation of Human Rights, Citizen's Rights</i>)	3	16	20	9	
8	CAL 6105	Thi hành pháp luật về khiếu nại và tố cáo (<i>Law Enforcement on Settlement of Complaints, Denunciations</i>)	3	16	20	9	
9	CAL 6106	Quy trình xây dựng chính sách, ban hành văn bản pháp luật (<i>Procedural Process of Policy Making and Promulgation of Legal Documents</i>)	3	16	20	9	
10	CAL 6107	Chính quyền địa phương (<i>Local Government</i>)	3	18	18	9	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.2	Các học phần tự chọn		23/76				
11	CAL 6108	Hệ thống chính trị và các mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ở Việt Nam <i>(The Political System of Vietnam and the Relationship among its Components)</i>	3	16	20	9	
12	CAL 6109	Cấu trúc và vận hành của bộ máy nhà nước Việt Nam <i>(Structure and Operation of State Apparatus of Vietnam)</i>	3	16	20	9	
13	CAL 6110	Tổ chức và thực hiện quyền lực lập pháp <i>(Legislative Organization and Implementation)</i>	2	11	13	6	
14	CAL 6111	Tổ chức và thực hiện quyền lực hành pháp <i>(Executive Organization and Implementation)</i>	2	9	15	6	
15	CAL 6112	Tổ chức và thực hiện quyền lực tư pháp <i>(Judicial Organization and Implementation)</i>	2	10	14	6	
16	CAL 6113	Phân quyền <i>(Separation of Power)</i>	3	18	18	9	
17	CAL 6114	Chế độ bảo hiến <i>(Mechanism of Judicial Review)</i>	2	12	12	6	
18	CAL 6115	Các thiết chế hiến định hiện đại <i>(Modern Constitutional Institutions)</i>	3	17	19	9	
19	CAL 6116	Thực hiện pháp luật về dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp <i>(Implementation of Laws on Representative Democracy and Direct Democracy)</i>	3	16	20	9	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20	CAL 6117	Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc Hội và đại biểu HĐND các cấp (<i>Organization of Elections of Deputies to the National Assembly and Deputies to People's Councils</i>)	3	16	20	9	
21	CAL 6118	Vận động chính sách công (<i>Public Policy Lobby</i>)	3	18	18	9	
22	CAL 6119	Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng (<i>Implementation of Law on Anti-Corruption</i>)	3	18	18	9	
23	CAL 6120	Tài phán hành chính (<i>Administrative Jurisdiction</i>)	2	12	12	6	
24	CAL 6121	Áp dụng pháp luật về trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính (<i>Law Enforcement on Administrative Liability and Administrative Coercion</i>)	3	16	20	9	
25	CAL 6122	Hành chính công (<i>Public Administration</i>)	3	18	18	9	
26	CAL 6123	Kỹ thuật phân tích chính sách, đánh giá tác động của văn bản pháp luật (<i>Skill of Policy Analysis and Regulatory Impact Assessment</i>)	2	12	12	6	
27	CAL 6124	Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật (<i>Skill of drafting legal documents</i>)	2	11	13	6	
28	CAL 6125	Hợp đồng hành chính và hợp tác công tư (<i>Administrative Contract and Public-Private Partnership</i>)	3	18	18	9	
29	CAL 6126	Áp dụng pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước (<i>Law Enforcement on State Compensation Liability</i>)	3	18	18	9	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
30	CAL 6127	Thực hiện pháp luật về công vụ và dịch vụ công <i>(Implementation of Legal Documents on Public Servant and Public Service)</i>	2	12	12	6	
31	CAL 6128	Áp dụng pháp luật về kiểm tra, thanh tra trong hành chính nhà nước <i>(Law Enforcement on Check and Inspection in State Management)</i>	2	12	12	6	
32	CAL 6129	Thực hiện pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức <i>(Law Implementation of State Officials and Employees)</i>	2	12	12	6	
33	CAL 6130	Thi hành pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước <i>(Law Enforcement on the Head of Administrative Body)</i>	2	12	12	6	
34	CAL 6131	Thi hành pháp luật về quản lí nhà nước về kinh tế <i>(Law Enforcement on State Management of the Economy)</i>	2	12	12	6	
35	CAL 6132	Thi hành pháp luật về quản lí nhà nước về văn hoá, xã hội <i>(Law Enforcement on State Management of the Cultural and Social Issues)</i>	2	12	12	6	
36	CAL 6133	Thi hành pháp luật về quản lí nhà nước về an ninh, quốc phòng <i>(Law Enforcement on State Management of Social Security and National Defence)</i>	2	12	12	6	
37	CAL 6134	Thi hành pháp luật về quản lí nhà nước về giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường <i>(Law Enforcement on State Management of the Education, Science and Technology, and Environment)</i>	2	12	12	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
38	CAL 6135	Thi hành pháp luật về quản lí nhà nước về đất đai và xây dựng cơ bản <i>(Law Enforcement on State Management of Land and Construction)</i>	2	12	12	6	
39	CAL 6136	Thi hành pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Law Enforcement on Access to Information)</i>	2	12	12	6	
40	CAL 6137	Thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo <i>(Law Enforcement on Religion and Belief)</i>	2	12	12	6	
41	CAL 6138	Thi hành pháp luật về bình đẳng dân tộc <i>(Law Enforcement on Ethnic Equality)</i>	2	12	12	6	
42	CAL 6139	Thi hành pháp luật về chống các hình thức phân biệt đối xử <i>Law Enforcement on (Prevention of Forms of Discrimination)</i>	2	12	12	6	
IV		Luận văn	09				
		Tổng cộng	64				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ cơ bản (*) thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.